

Bù Đăng, ngày 26 tháng 9 năm 2022

**BẢNG LƯỢNG HÓA THI ĐUA  
ĐỢT I, ĐỢT II VÀ TỔNG KẾT NĂM HỌC 2022-2023**

**A. CĂN CỨ XÂY DỰNG LƯỢNG HOÁ THI ĐUA**

- Công văn số 645/SGDDĐT-VP ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước; về việc đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động.
- Quyết định số 914/QĐ-SGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước; về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước.
- Các văn bản hiện hành của ngành, địa phương.
- Kế hoạch giáo dục năm học 2022 – 2023 của trường THPT Lê Quý Đôn.

**I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC: ĐIỂM CHUẨN 70 ĐIỂM**

TT	NỘI DUNG	THANG ĐIỂM	ĐIỂM TRỪ
1.	Tác phong.	20 điểm	<ul style="list-style-type: none"><li>- 0,25đ/ lần không đeo thẻ viên chức.</li><li>- 1,0đ/lần tác phong chưa đúng quy định của trường.</li><li>- Sáng thứ HAI hàng tuần: GV nữ toàn trường thực hiện trang phục áo dài.</li><li>- Buổi còn lại: GV Nữ toàn trường thực hiện trang phục áo dài; quần tây áo sơ mi hoặc váy công sở .... Giáo viên Nam sơ mi, quần tây... (GVTDQP có đồng phục riêng). Phù hợp văn hoá công sở.</li><li>- Ngày Lễ lớn: GV Nữ toàn trường thực hiện trang phục áo dài hoặc đồng phục nhà trường, tổ chuyên môn; GV Nam quần tây áo sơ mi, đi giày, đeo cà vạt.</li></ul>
2.	Đảm bảo ngày công. giờ	20 điểm	<ul style="list-style-type: none"><li>- 0,5đ/ lần vào lớp trễ hoặc đi trực trễ.</li><li>- 0,5 đ/ lần ra lớp sớm hay rời ca trực sớm.</li><li>- 05đ/ lần nghỉ việc cá nhân CP (bao gồm cả tiết dạy và tiết trực).</li><li>- 2,0đ/ lần bỏ tiết hay bỏ trực giám thị.</li><li>- Tính theo tiết của TKB chính khóa và phụ đạo.</li></ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch trực giám thị theo sự phân công của BGH.</li> <li>- Xin phép nghỉ phải báo qua ban nề nếp.</li> <li>- Thời gian vào trễ, ra sớm từ 3 phút trở lên.</li> <li>- Thời gian vào lớp trễ từ 15 phút trở lên là bỏ tiết.</li> <li>- Không trừ điểm đối với các trường hợp nghỉ theo chế độ, bệnh nằm viện, thai sản, con ốm mẹ nghỉ, do đi học, họp cho công việc trường, ngành, vợ (chồng) nuôi bệnh nằm viện...Hiếu hỷ liên quan tử thân phụ mẫu không trừ điểm. Trường hợp có bệnh đột xuất sau thời gian điều trị phải cung cấp hồ sơ bệnh án. Tất cả các trường hợp nghỉ phải có đơn và xác nhận của Tổ trưởng và Ban giám hiệu.</li> </ul>
3.	Hội họp.	10 điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 0,5đ/ lần đi trễ.</li> <li>- 0,5 đ/lần nghỉ việc riêng CP.</li> <li>-1,5đ/ lần nếu đang họp bỏ về (không lý do).</li> <li>- 2,0đ/lần KP.</li> <li>- Gồm Họp Liên tịch, HĐSP, HĐ trường, Công Đoàn, Đoàn TN...</li> <li>- Thời gian tính trễ, Sau 3 phút từ khi bắt đầu cuộc họp; Nếu trễ từ 15 phút trở lên coi như bỏ tiết (lãnh đạo trực xem xét tìm hiểu nguyên nhân).</li> </ul>
4.	Tham gia các ngày lễ lớn.	10 điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 0,5đ/ lần đi trễ.</li> <li>- 0,5đ/lần nghỉ việc riêng CP</li> <li>- 1,5đ/ lần nếu đang dự bỏ về (không lý do)</li> <li>- 2,0đ/lần KP.</li> </ul> <p>Những trường hợp không trừ thực hiện như nội dung Mục 2. Phần I.</p>
5.	Chấp hành pháp luật.	10 điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,0đ/ lần hút thuốc trong trường.</li> </ul> <p>Sử dụng rượu bia; Vi phạm quy chế dạy thêm, học thêm; vi phạm luật giao thông; vi phạm đạo đức nhà giáo; xúc phạm nhân phẩm, danh dự đồng nghiệp, HS, phụ huynh HS...mà có biên bản thì cắt thi đua và đề nghị kỉ luật.</p>

## II. CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN: ĐIỂM CHUẨN 140 ĐIỂM

TT	NỘI DUNG	THANG ĐIỂM	ĐIỂM TRỪ
1.	Hồ sơ, sổ sách theo quy chế chuyên môn hiện hành	20 điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,0 đ/lần Nộp không đúng thời gian đối với mỗi loại theo quy định.</li> <li>-0,5đ/mỗi loại nếu hồ sơ không đạt yêu cầu theo quy định.</li> <li>- Thực hiện theo thời gian quy định của BGH và các cá nhân phụ trách.</li> <li>- Không có hồ sơ, sổ sách: cắt thi đua và đề nghị kỉ luật</li> </ul>
2.	Dạy đúng PPCT, không cắt xén, bỏ bài, nghỉ phải có người dạy thay.	10 điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 0,5đ/lần nhờ dạy thay mà không báo Tổ trưởng và lãnh đạo trực ngày hôm đó.</li> <li>- 1,0đ/lần sử dụng điện thoại trong coi thi, coi KT.</li> <li>- 1,0đ/ soạn nội dung giảm tải trong giáo án.</li> <li>- Nhờ dạy phải báo cả TT và BGH tuy nhiên không cứng nhắc.</li> <li>- Sử dụng điện thoại thông minh để phục vụ cho bài dạy không trừ điểm.</li> </ul>
3.	Lịch báo giảng.	10 điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 0,25đ/ lần không đúng thời gian quy định trên phần mềm VNEDU.VN.</li> <li>- Thời gian: 7 giờ sáng thứ HAI hàng tuần.</li> </ul>
4.	Ghi sổ đầu bài đủ; Có nhận xét xếp loại tiết dạy, đủ chữ ký....	10 điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 0,25 đ/lần ghi thiếu 1- 2 mục trong tiết dạy.</li> <li>- 0,5đ/lần không ghi đầy đủ từ 3 mục trở lên trong tiết dạy.</li> <li>- Thời gian kiểm tra vào thứ 7.</li> <li>- Lớp quên sổ ghi đầu bài hoặc mất: GVBM chưa kí không bị trừ ( Nhưng phải kí bổ sung).</li> </ul>
5.	Thao giảng.	10 điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,0đ/1 tiết không thao giảng.</li> <li>HKI là 2 tiết, HKII là 2 tiết. Dự giờ 10 tiết/HK.</li> <li>Nếu học trực tuyến. Việc dự giờ, thao giảng của giáo viên vẫn thực hiện online bình thường. Ban giám hiệu vẫn dự giờ online.</li> </ul>
6.	Sử dụng thiết bị, dụng cụ dạy học theo ppct.	10 điểm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,0 đ/lần nếu không sử dụng.</li> <li>Áp dụng đối với những tiết bắt buộc. Trường</li> </ul>

			hợp nhà trường chưa đáp ứng thiết bị, dụng cụ dạy thì không trừ.
7.	Dạy các tiết thí nghiệm, thực hành.	10 điểm	- 1,0đ/1 tiết không dạy. Áp dụng đối với những môn có tiết bắt buộc theo PPCT. Trường hợp phòng thí nghiệm, phòng thực hành chưa đủ hóa chất, thiết bị thì không trừ.
8.	Thực hiện đầy đủ số lần kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ theo Quy chế chuyên môn.	10 điểm	- 0,5đ/ lần vi phạm nếu thiếu so với yêu cầu.
9.	Nộp đề cương, đề thi, đề kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ; Coi thi; coi kiểm tra; Chấm trả bài kiểm tra giữa kỳ, cuối học kỳ, bài thi. Theo sự phân công của BGH và Tổ trưởng chuyên môn.	20 điểm	- 0,5đ/ lần nộp không đúng thời gian quy định đối với từng loại. - 1,0đ/lần nộp đề cương, đề kiểm tra, đề thi nằm trong nội dung giảm tải theo Văn bản hướng dẫn hiện hành. - 0,5đ/lần vắng coi thi, coi KT giữa kỳ, cuối kỳ cả HKI và HKII. CP. - 2,0đ/lần vắng không phép coi thi, coi KT giữa kỳ, cuối kỳ trong HKI và HKII. - Không nộp đề cương, đề kiểm tra, đề thi hoặc không trả bài kiểm tra: Vi phạm quy chế chuyên môn. Đề nghị không xét khen thưởng và xem xét đánh giá viên chức hàng năm.
10.	Cập nhật hồ sơ học sinh, điểm vào file cơ sở dữ liệu; kí xác nhận điểm; vào điểm học bạ, hạnh kiểm.	30 điểm	- 0,5đ/ lần đối với mỗi loại không đúng thời gian quy định. Thực hiện theo quy định từng đợt của nhà trường. - 1,0đ/lần đối với mỗi loại nhập thiếu hoặc thừa cột điểm so với quy định. - Nhập điểm sai, vào học bạ sai Ban giám hiệu đã nhắc nhở và ghi biên bản mà không sửa: Đề nghị không xét khen thưởng và xem xét đánh giá viên chức hàng năm.

**III. CÔNG TÁC VĂN PHÒNG: ĐIỂM CHUẨN 70 ĐIỂM**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>THANG ĐIỂM</b>	<b>ĐIỂM TRỪ</b>
1.	Ngày công văn phòng	10 điểm	-0,5đ/lần đi trễ hoặc về sớm. -0,5đ/lần vắng CP. -2,0đ/ lần vắng KP. Thời gian làm việc: - Sáng 7 giờ 30 đến 11 giờ 15 phút. - Chiều từ 13 giờ 50 đến 17 giờ 15 phút.
2.	Công tác văn thư.	10 điểm	- 1,0đ/lần lên lịch làm việc không đúng thời gian. - 1,0đ/lần cập nhật văn bản không đúng thời gian.
3.	Công tác báo cáo.	10 điểm	- 1,0đ/ lần báo cáo không đúng thời gian quy định quy định.
4.	Công tác kế toán	10 điểm	- 1,0 đ / lần trả lương và các chế độ trễ. Những trường hợp khách quan không trừ
5.	Công tác tạp vụ.	10 điểm	- 1,0đ/ 1lần không vệ sinh, chuẩn bị nước uống. - 1,0 đ/ 1lần bỏ trực.
6.	Công tác bảo vệ.	10 điểm	- 1,0đ/ 1lần bỏ trực. - 1,0đ/lần không thực hiện đúng nhiệm vụ của mình. Mất tài sản phải bồi thường theo quy định.
7.	Công tác y tế học đường.	10 điểm	- 1,0đ/ 1lần bỏ trực. -1,0đ/lần không thực hiện đúng nhiệm vụ của mình.

**IV. ĐIỂM THƯỞNG**

<b>TT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐIỂM THƯỞNG</b>
1.	02 cá nhân trong Chi đoàn giáo viên.	+ 2,0đ /Cả năm/ cá nhân. Chi đoàn giáo viên tổ chức họp xét và đề nghị cộng điểm cho 2 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Nếu 1 cá nhân ở 2 vị trí công tác: Chi đoàn giáo viên và Đoàn trường chỉ cộng điểm ở một vị trí

		công tác.
2.	01 cá nhân trong BCH Đoàn trường.	+ 2,0đ/Cả năm /cá nhân. BCH Đoàn trường họp xét và đề nghị cộng điểm cho 01 cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Không cộng điểm cho BT, PBT vì đã có số tiết và phụ cấp.
3.	Viết tin, bài đăng trên Website của trường kịp thời.	Chỉ những tin/bài được Ban quản trị duyệt. Không cộng điểm thưởng, nhưng căn cứ vào chất lượng bài viết, Nhà trường hỗ trợ tiền nhuận bút.
4.	Lớp đạt giải trong đợt thi đua cụm HKI và HK II.	+ 2,0 đ/ lớp nhất cụm. + 1,5 đ/ lớp nhì cụm. + 1,0 đ/lớp ba cụm. - Thống nhất do Đoàn trường xếp loại.
5.	Phụ trách phần mềm bao gồm: hồ sơ thi Tốt nghiệp 12, Tuyển sinh 10 và Phụ trách Ban pháp chế, Phụ trách cơ sở dữ liệu, Phụ trách Hội thi Sáng tạo KHKT.	+ 2,0 đ/năm cho mỗi loại hồ sơ/Ban phụ trách
6.	Có Sáng kiến được công nhận phạm vi cấp trường, cấp sở và cấp tỉnh.	+ 2,0 đ/ cấp trường. + 7,0 đ/ cấp sở. + 10 đ/ cấp tỉnh. Cộng điểm thưởng cho 01 Sáng kiến ở cấp cao nhất. Không tính tổng Sáng kiến hoặc các lĩnh vực Sáng kiến đạt được ở các Cấp để cộng dồn điểm. Nếu 2 đồng tác giả trở lên thì chia điểm bình quân/Sáng kiến.
7.	Đạt GVG cấp trường, cấp tỉnh.	+ 2,0 đ. ĐẠT GVG TRƯỜNG. + 10đ/ ĐẠT GVG TỈNH. + 11đ/ giải ba. + 13đ/giải nhì. + 15đ/ giải nhất. Cộng điểm thưởng ở cấp cao nhất. Không cộng tổng điểm thưởng nếu đạt cả 2 cấp. VD nếu giáo viên ĐẠT GVG ở 2 cấp trường và tỉnh thì chỉ cộng

		điểm thưởng ở cấp tỉnh. Theo Kế hoạch của Nhà trường và Sở GD & ĐT.
8.	GV hướng dẫn, hỗ trợ HS làm sản phẩm KH sáng tạo trẻ đạt giải.	+ 8,0đ/giải KK. + 10đ/ giải ba. + 12đ/giải nhì. + 15đ/ giải nhất. - GV hướng dẫn, hỗ trợ HS phải có QĐ hay kế hoạch phân công của BGH. - Nếu đã cộng đợt 1 thì đợt 2 không cộng.
9.	GV bồi dưỡng HS dự thi Olympic 19/5 đạt giải, HS đạt giải QPAN và huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng.	+ 10đ/ HCD. + 12đ/HCB. + 15đ/ HCV.
10.	GV bồi dưỡng HS đạt các giải trong kỳ thi HSG cấp tỉnh. Học sinh đạt thành tích được Sở công nhận hoặc được chọn vào Đội tuyển thi học sinh giỏi Quốc gia.	+ 12đ/1HS. Giải KK. + 14 đ/1HS. Giải Ba. + 16 đ/1HS. Giải Nhì. + 20 đ/ 1HS. Giải Nhất. Phải có QĐ hay kế hoạch, biên bản phân công bồi dưỡng của BGH hoặc TT. Học sinh thi chọn vào Đội tuyển Quốc gia không đạt nhưng đạt thành tích được Sở công nhận thì mức điểm cộng bằng điểm giải KK. Nếu HS được chọn vào Đội tuyển Quốc gia thì điểm cộng là 16 điểm.
11.	Điểm thưởng chất lượng chuyên môn đối với giáo viên .	+ 1,0 điểm. Cao hơn mặt bằng Trường từ 0,1 điểm đến dưới 1,0 điểm. + 1,5 điểm: Từ 1,0 điểm đến dưới 2,0 điểm + 2,0 điểm: Từ trên 2,0 điểm trở lên Trung bình bộ môn là 3 khối, 2 khối hoặc 1 khối lớp giáo viên trực tiếp dạy. Điều kiện: Đối với các lớp chọn 11B1,12A1. Điểm trung bình bộ môn bằng điểm trung bình đầu vào. Sau đó cao hơn sẽ cộng điểm như trên. Điểm TB được làm tròn 0,1 chữ số thập phân.
12.	Điểm cộng tổ Văn	+ 0,5 đ/tháng làm việc vào các ngày thứ 7, chủ nhật.

	phòng.	<p>+ 1,0đ/HK. Nếu không để mất tài sản Nhà trường (Nhân viên bảo vệ).</p> <p>+ 1,0đ/HK. Văn thư đôn đốc công tác báo cáo của các tổ chức, cá nhân trong nhà trường đúng thời gian quy định của cơ quan quản lý (nếu trễ quá 01 lần/HK sẽ không cộng điểm).</p> <p>+ 1,0đ/HK đối với nhân viên Tổ Văn phòng tiết kiệm điện, văn phòng phẩm...theo phân công và chỉ tiêu Ban giám hiệu giao.</p>
13.	Điểm thưởng đối với giáo viên dạy các môn dự thi TN THPT. Điểm TB lấy sau dấu phẩy 2 chữ số.	<p>+ 3,0 điểm: Bằng hoặc cao hơn mặt bằng Sở đến dưới 1,0 điểm.</p> <p>+ 5,0 điểm: Từ 1,0 điểm đến dưới 2,0 điểm.</p> <p>+ 7,0 điểm: Từ 2,0 điểm trở lên.</p> <p>Điều kiện: Điểm trung bình TN THPT bằng mặt bằng của Sở và điểm cộng cho giáo viên lấy điểm trung bình của trường có vị trí từ top 20 trở lên, riêng môn Tiếng Anh lấy điểm trung bình của trường có vị trí từ top 22 trở lên.</p>
14.	Các Hội thi, cuộc thi khác như thiết kế bài giảng điện tử, kể chuyện...do các cấp, ngành phát động.	<p>+ 4đ/ ĐẠT.</p> <p>+ 5đ/giải ba.</p> <p>+ 6đ/giải nhì.</p> <p>+ 7đ/giải nhất.</p> <p>Nếu giải đồng tác giả từ 2 trở lên thì chia điểm bình quân cho các tác giả đạt giải.</p>

#### V. ĐIỂM TRỪ

TT	NỘI DUNG	ĐIỂM TRỪ
1.	Tỉ lệ học sinh bỏ học đối với lớp chủ nhiệm.	<p>- 0,5 điểm nếu tỉ lệ bỏ học từ 1,0% đến dưới 2,0%.</p> <p>- 1,0 điểm nếu tỉ lệ bỏ học từ 2,0% đến dưới 3,0%.</p> <p>- 1,5 điểm nếu tỉ lệ bỏ học từ 3,0% trở lên.</p> <p>So với số lượng và tỉ lệ học sinh nghỉ học toàn trường.</p>
2.	Thi đua lớp chủ nhiệm.	<p>- 0,5 đ nếu xếp loại B.</p> <p>- 1,0 đ nếu lớp xếp loại C.</p> <p>- 1,5 đ nếu lớp xếp loại D.</p>

		Căn cứ kết quả đua xếp loại thi đua của Đoàn trường theo HKI và HK II.
3.	Bảo vệ tài sản đối với đối với lớp chủ nhiệm.	- 5,0 điểm/HK. Bao gồm bàn ghế, cửa kính, quạt, bóng điện, máy chiếu... Nếu sửa kịp thời đúng thời gian quy định thì không trừ điểm. Những trường hợp hỏng do khách quan cần báo kịp thời với người phụ trách để xử lý.
4.	Công tác trong giờ học.	- 0,25 điểm/lần/tiết Giáo viên giảng dạy để lớp học vệ sinh chưa sạch sẽ ở trong bàn học, cuối lớp, trang phục chưa đúng,...Nếu khi Ban giám hiệu và các bộ phận kiểm tra mà GVBM chưa thể hiện các nội dung này trong sổ đầu bài, chưa có nhắc nhở, chấn chỉnh thì trừ điểm GVBM nếu GVBM đã ghi sổ đầu bài thì trừ điểm thi đua của lớp. - 0,25 điểm/lần/tiết. Trừ điểm GVBM để HS sử dụng điện thoại trong giờ dạy mà tiết học không được sử dụng điện thoại. BGH và các bộ phận trực, theo dõi, phát hiện và đề nghị.
5.	Công tác tham gia hoạt động cộng đồng, phong trào thi đua do ngành hoặc địa phương phát động.	- 0,25 điểm/lần trường hợp không tham gia thi, nộp bài hoặc không tham gia trực tiếp các phong trào. Thực hiện theo kế hoạch của ngành và địa phương Ban thi đua sẽ theo dõi và trừ điểm.
6.	Giáo viên giảng dạy Tỉ lệ bộ môn đối với các lớp KHTN, KHXH KHỐI 10,11,12 và Cơ bản	- 1,0 điểm: Thấp hơn mặt bằng Trường từ 0,1 điểm đến dưới 1,0 điểm. - 1,5 điểm: Thấp hơn mặt bằng Trường từ 1,0 điểm đến dưới 2,0 điểm. - 2,0 điểm: Thấp hơn mặt bằng Trường từ 2,0 điểm trở lên. Tỉ lệ được tính theo tỉ lệ từng học kỳ và cả năm học.
7.	Giáo viên giảng dạy Tỉ lệ bộ môn đối với các lớp chọn 12A1,11B1	- 1,0 điểm: Thấp hơn mặt bằng Trường từ 0,1 điểm đến dưới 1,0 điểm. - 1,5 điểm: Thấp hơn mặt bằng Trường từ 1,0 điểm đến dưới 2,0 điểm. - 2,0 điểm: Thấp hơn mặt bằng Trường từ 2,0 điểm trở lên.

		Tính theo tỉ lệ từng học kỳ và cả năm học.
8.	Điểm trừ đối với giáo viên dạy các môn dự thi TN THPT.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 1,0 điểm: Thấp hơn mặt bằng Sở từ 0,1 điểm đến dưới 1,0 điểm.</li> <li>- 1,5 điểm: Thấp hơn mặt bằng Sở từ 1,0 điểm đến dưới 2,0 điểm.</li> <li>- 2,0 điểm: Thấp hơn mặt bằng Sở từ 2,0 điểm trở lên</li> </ul> <p>* Điểm trừ tính vào thi đua năm học sau.</p> <p>* Điểm trừ lấy điểm trung bình của trường có vị trí từ 21 trở xuống, riêng đối với môn Tiếng Anh lấy điểm trung bình của trường có vị trí từ 23 trở xuống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 0,5 điểm. Kết quả đối sánh điểm học bạ và điểm thi tốt nghiệp từ 1,5 đến dưới 2,5 điểm.</li> <li>- 1,0 điểm. Kết quả đối sánh điểm học bạ và điểm thi tốt nghiệp từ 2,5 điểm trở lên.</li> </ul>

## B. NGUYÊN TẮC XÉT THI ĐUA

- Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại viên chức hàng năm của cơ quan quản lý và Hiệu trưởng nhà trường.

- Những văn bản hướng dẫn thi đua, khen thưởng hiện hành.

- Điểm thi đua xếp từ cao xuống thấp. Nếu điểm bằng nhau thì Hội đồng thi đua, khen thưởng bỏ phiếu kín.

### 1. Công thức tính điểm thi đua

- GIÁO VIÊN: gồm điểm công tác tổ chức + công tác chuyên môn: 210 điểm (Chưa tính điểm thưởng).

- VĂN PHÒNG: gồm điểm công tác tổ chức + công tác văn phòng: 140 điểm (Chưa tính điểm thưởng).

- Tổng điểm thi đua cả năm bằng tổng điểm 2 đợt thi đua cộng lại (bao gồm điểm thưởng, điểm trừ) chia cho 2.

- Công thức:  $ĐTBCN = (Đợt I + Đợt II) / 2$

### 2. Xếp loại, danh hiệu thi đua, đánh giá viên chức

Stt	Đối tượng công tác	Điểm	Xếp loại	Đánh giá viên chức	Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng
1	GIÁO VIÊN	205 trở lên	A		
		195 - dưới 205	B		
		190 – Dưới 195	C		

		Dưới 190	D		
2	VĂN PHÒNG	135 trở lên	A		
		130 – dưới 135	B		
		125 – dưới 130	C		
		Dưới 125	D		

### 3. Đề nghị xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

#### 3.1. Tập thể:

- Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến: 6 tổ.
- Giấy khen: 03 tổ.

#### 3.2. Cá nhân:

- Xét đề nghị Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo: 23 người.
- + Giáo viên: 22 người.
- + Tổ Văn phòng: 01 người.
- Xét danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở”: 12 người.
- Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh: 12 người.
- Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh: Không giới hạn tỉ lệ.

### C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phân công theo dõi chấm công như sau:

1. Trang phục các ngày Lễ lớn do Công đoàn phụ trách và ghi sổ theo dõi, biên bản họp.
2. Họp Hội đồng sư phạm, Liên tịch, Thi đua, khen thưởng, chủ nhiệm, chuyên môn, chuyên đề của nhà trường do Thư ký Hội đồng theo dõi tổng hợp.
3. Họp tổ chuyên môn, nhóm chuyên môn do TTCM, TTCD theo dõi, ghi biên bản.
4. Kết quả chuyên môn và hồ sơ chuyên môn do các Phó Hiệu trưởng và Tổ trưởng phụ trách.
5. Ngày giờ, công theo TKB. Lãnh đạo nhà trường, Ban nề nếp và Đoàn trường theo dõi tổng hợp.
6. Công tác khác do Lãnh đạo nhà trường đánh giá.
7. Hoạt động Công đoàn: Chủ tịch Công đoàn và Chi uỷ đánh giá.
8. Không chế:
  - Không tham gia các phong trào bắt buộc do nhà trường và các cấp tổ chức thì không chế, không đề nghị khen thưởng. Phong trào không mang tính bắt buộc

(viết Sáng kiến, thi giáo viên giỏi trường, tỉnh) thì trừ điểm thi đua (theo Mục 5. Phần V), không khống chế.

- Giáo viên có điểm trung bình môn cả năm thấp hơn mặt bằng trường giao theo từng khối thì điểm bình quân được chia bình quân các Khối nhưng vẫn thấp hơn bình quân các Khối nhà trường giao thì Hội đồng thi đua, khen thưởng đề nghị không xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với giáo viên. Đối với giáo viên dạy chéo môn là điểm trung bình của 2 môn:  $(A+B)/2$ .

- Những trường hợp đã nhắc nhở từ 2 lần trở lên/một nhiệm vụ mà chưa thực hiện nội dung liên quan, ảnh hưởng đến hoạt động chung của Nhà trường thì đề nghị không xét khen thưởng và đề nghị hạ 1 bậc đánh giá viên chức.

- CB, GV, NV vi phạm đạo đức, quy chế, hay vi phạm pháp luật thì cắt danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và đề nghị xem xét kỷ luật theo quy định của Luật viên chức.

(Lưu ý: Cơ cấu số lượng đề nghị khen chỉ là dự tính, còn tùy thuộc vào số lượng CB, CC, VC và tỉ lệ LĐTĐ nên có sự thay đổi. Ngoài ra khi có công văn hướng dẫn về thi đua thay đổi, Ban thi đua sẽ họp và thống nhất sau)./.

**D. HIỆU LỰC THI HÀNH:** Bảng lượng hóa thi đua có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2022.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Thị Bích Hạnh**